

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-VX

Nghệ An, ngày tháng năm 2026

V/v triển khai Chương trình hành động của BCH Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo
- Các Sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường.

Thực hiện Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 09/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Công văn số 1605-CV/ĐU ngày 09/02/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh về triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (*Văn bản gửi kèm theo*),

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thái Văn Thành giao:

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị, địa phương quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, nghiêm túc các nội dung của Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; tham mưu UBND tỉnh kế hoạch/ đề án triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Nghệ An đảm bảo có mục tiêu, giải pháp cụ thể, có lộ trình phù hợp với thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT VX UBND tỉnh;
- CVP, PCVP VX UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (TP, P).

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Hoàng Vĩnh Trường

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị
về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (Nghị quyết số 71-NQ/TW); Kết luận số 91-KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (Kết luận số 91-KL/TW); Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW trên địa bàn tỉnh, như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt nghiêm túc Nghị quyết số 71-NQ/TW, Kết luận số 91-KL/TW, các nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và thực hiện nhất quán quan điểm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai của dân tộc; khẳng định phát triển giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân; Nhà nước giữ vai trò định hướng, kiến tạo và bảo đảm nguồn lực, công bằng trong giáo dục; toàn xã hội chăm lo, đóng góp và giám sát phát triển giáo dục. Từ đó, tạo quyết tâm chính trị, tinh thần trách nhiệm, phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp, các ngành và Nhân dân, nhất là vai trò nêu gương của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện đột phá phát triển bền vững giáo dục và đào tạo.

2. Bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp của các nghị quyết, cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện của tỉnh; bảo đảm khả thi, có lộ trình, phân công rõ trách nhiệm; phát huy lợi thế, khắc phục hạn chế, tháo gỡ điểm nghẽn, lựa chọn lĩnh vực ưu tiên để tạo đột phá, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

3. Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đẩy mạnh tuyên truyền, nhân rộng

điển hình tiên tiến, tạo đồng thuận và lan tỏa mạnh mẽ tinh thần tiên phong, đột phá trong sự nghiệp đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh hiện đại, đạt chuẩn, có vị thế, uy tín trong hệ thống giáo dục quốc gia, vươn tầm khu vực và quốc tế; trở thành trung tâm văn hoá, đổi mới, sáng tạo, khoa học công nghệ, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và khởi nghiệp; có khả năng phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực và sức khoẻ người học; đáp ứng nguồn nhân lực tay nghề cao, nguồn nhân lực chất lượng cao cho hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy năng lực cạnh tranh và sự thịnh vượng của tỉnh, sẵn sàng bước vào kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Mở rộng tiếp cận công bằng, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông đạt trình độ tiên tiến của quốc gia và khu vực châu Á. Xây dựng mạng lưới trường lớp cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh thuộc mọi đối tượng, vùng miền; đạt chuẩn quốc gia và từng bước hiện đại. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở. Tập trung nâng cao năng lực công nghệ, trí tuệ nhân tạo và năng lực ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Sắp xếp phù hợp và đầu tư đồng bộ, hiện đại các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu, khởi nghiệp, đóng vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của vùng và địa phương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu các ngành, lĩnh vực trọng điểm.

3. Mục tiêu đến năm 2035

Nghệ An có hệ thống cơ sở giáo dục đạt chuẩn, đồng bộ và hiện đại, có bước tiến mạnh, vững chắc về tiếp cận, công bằng và chất lượng; hoàn thành phổ cập trung học phổ thông và tương đương. Phân đầu duy trì tốp đầu về chất lượng giáo dục; hiện đại hoá giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao; nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

Hiện đại hoá, quốc tế hoá, đột phá phát triển bền vững, thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh; phát triển giáo dục Nghệ An vươn tầm quốc gia, khu vực và quốc tế; đóng góp nguồn nhân lực chất lượng cao cho kỷ nguyên phát triển mới, giàu mạnh, văn

minh của dân tộc. Phần đầu đến năm 2045, Nghệ An trở thành trung tâm giáo dục và đào tạo của cả nước, khu vực và quốc tế.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ để đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

1.1. Quán triệt đầy đủ, sâu sắc trong cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân các quan điểm, chủ trương của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và đào tạo. Đa dạng hình thức tuyên truyền, nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các cấp uỷ, chính quyền địa phương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và toàn dân đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo.

1.2. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại, hành động quyết liệt. Đặt đột phá phát triển bền vững trong tư duy tổng thể về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; bảo đảm định hướng, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An; đưa các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo trở thành trọng tâm trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh; ưu tiên bố trí nguồn lực tương xứng để thực hiện.

1.3. Tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của tổ chức đảng, nhất là vai trò, trách nhiệm người đứng đầu cấp uỷ trong các cơ sở giáo dục; thực hiện bí thư cấp uỷ kiêm người đứng đầu cơ sở giáo dục, không tổ chức hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục công lập. Rà soát, sửa đổi tiêu chí đánh giá kết quả công tác; kết quả thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và trách nhiệm cá nhân.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội phát triển bền vững giáo dục và đào tạo

2.1. Lãnh đạo, chỉ đạo tích hợp thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách của Trung ương.

- Quán triệt, cụ thể hoá những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển nguồn nhân lực các ngành, lĩnh vực đột phá, trọng tâm được định hướng trong các nghị quyết, kết luận của Trung ương, đặc biệt những cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội của Trung ương về phát triển giáo dục và đào tạo.

- Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của tỉnh về lĩnh vực giáo dục và đào tạo, sửa đổi, tích hợp, bổ sung kịp thời, đáp ứng yêu cầu mới.

2.2. Xây dựng các chính sách đặc thù, vượt trội của tỉnh phát triển bền vững giáo dục và đào tạo.

- Chính sách nâng cao năng lực ngoại ngữ, dạy học tiếng Lào trong các trường phổ thông trên địa bàn xã biên giới đất liền; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học trên địa bàn tỉnh; mở rộng quy mô dạy học các ngoại ngữ khác như: Tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Hàn; phát triển hệ thống trường, lớp học song ngữ.

- Chính sách về tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; có cơ chế, chính sách thu hút giáo viên đến công tác tại vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu hút các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín trong nước và quốc tế đến làm việc và giảng dạy tại Nghệ An.

- Chính sách phát triển hệ thống các trường phổ thông nội trú, bán trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở các xã, phường miền núi của tỉnh; đầu tư đồng bộ, hiện đại về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, nhà ở, nhà ăn, khu sinh hoạt; đồng thời triển khai các hoạt động giáo dục trải nghiệm bút phá phát triển phẩm chất, năng lực và sức khoẻ học sinh miền núi.

- Ưu tiên bố trí quỹ đất, tập trung giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch; thực hiện giao đất, cho thuê đất và áp dụng các chính sách ưu đãi về đất đai theo quy định của pháp luật nhằm thu hút các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

3. Tăng cường giáo dục toàn diện, đức, trí, thể, mỹ, hình thành hệ giá trị con người Việt Nam thời đại mới

3.1. Lãnh đạo xây dựng môi trường giáo dục toàn diện, trải nghiệm, đổi mới và sáng tạo.

- Xây dựng, triển khai các quy định về vai trò, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức, nhân cách người học; có cơ chế để học sinh, sinh viên được học tập, trải nghiệm với các hoạt động giáo dục tư tưởng, truyền thống, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, giáo dục hướng nghiệp, kỹ năng mềm thông qua vai trò tham gia của các chuyên gia, nghệ nhân, nghệ sĩ, huấn luyện viên, vận động viên.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, văn hóa học đường trong các nhà trường; xây dựng và triển khai hiệu quả các mô hình giáo dục đạo đức, lối sống, các thiết chế, mô hình văn hóa học đường, trải nghiệm văn hoá địa phương.

- Đổi mới, tăng cường sử dụng phương pháp dạy học và đánh giá hiện đại, nâng cao chất lượng, hiệu quả môn học giáo dục quốc phòng và an ninh;

tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hướng dẫn thực hiện quy định về công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao ý thức trách nhiệm công dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng, triển khai các quy định để nâng cao dinh dưỡng học đường; đổi mới hình thức, phương pháp, nội dung giáo dục thể chất trong các cơ sở giáo dục, góp phần nâng cao thể lực, tầm vóc, thói quen rèn luyện sức khỏe của mọi người; gắn giáo dục thể chất với giáo dục trí thức, đạo đức, kỹ năng sống.

- Tăng cường các giải pháp ngăn ngừa, hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực từ cơ chế thị trường, truyền thông, mạng xã hội đối với học sinh, sinh viên; ngăn chặn, đẩy lùi tiến tới chấm dứt ma túy học đường.

3.2. Tiên phong xây dựng, triển khai khoa học, hiệu quả các mô hình nhằm đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Tiếp tục triển khai mô hình bảo đảm chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục STEM/STEAM; mô hình giáo dục trải nghiệm dựa vào cộng đồng và vì cộng đồng; trường giúp trường; trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú tiểu học, trung học cơ sở kiểu mới; mô hình trường chất lượng cao, trường tiên tiến theo xu thế hội nhập quốc tế, trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, trường học thông minh, trường học số, trường học hạnh phúc; trường phổ thông hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế, khẳng định vai trò trung tâm vùng Bắc Trung Bộ về giáo dục và đào tạo.

- Hình thành mô hình trường học kết nối, phát triển hệ thống trường, lớp song ngữ, triển khai đề thi song ngữ trong các kỳ thi cấp tỉnh, từng bước thực hiện mục tiêu hiện đại hoá, quốc tế hoá chuẩn đầu ra, chương trình nhà trường, đội ngũ nhà giáo, quản trị trường học và cơ sở vật chất; nâng cao năng lực ngoại ngữ (tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Đức...), từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học theo đúng lộ trình; tổ chức dạy học tiếng Lào ở xã biên giới trên địa bàn tỉnh.

3.3. Đổi mới mô hình trường chuyên và trường năng khiếu; mở rộng các lớp chuyên khối STEM, tiếng Trung, tiếng Hàn. Đổi mới phương pháp, hình thức đào tạo, bồi dưỡng của trường năng khiếu, phát hiện, tuyển chọn, ươm tạo tài năng từ sớm; phát huy tài năng, năng khiếu sở trường, âm nhạc, mỹ thuật, thể thao nhằm ươm tạo nhân tài quốc gia.

4. Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo

4.1. Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, thực hiện chuyển đổi số, phát triển giáo dục và đào tạo thích ứng.

- Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng mạng lưới internet tốc độ cao, phủ sóng wifi sạch tới 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, đảm bảo thiết bị đầu cuối thông minh phục vụ dạy học và quản lý. Xây dựng hệ sinh thái dữ liệu giáo dục mở tỉnh Nghệ An, đảm bảo sự liên thông, đồng bộ dữ liệu theo chiều dọc (sở - xã - trường) và kết nối ngang với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và công dịch vụ công của tỉnh. Tiên phong ứng dụng công nghệ chuỗi khối (blockchain) trong xây dựng cơ sở dữ liệu lưu trữ hồ sơ học sinh (học bạ số), quản lý văn bằng, chứng chỉ nhằm đảm bảo tính minh bạch, an toàn, bảo mật; thuận lợi cho người dân, phục vụ công tác tuyển sinh đầu cấp và cung cấp nguồn dữ liệu tin cậy cho các trường đại học, thị trường lao động trong và ngoài nước.

- Đổi mới quản trị nhà trường, quản lý nhà nước và hỗ trợ dạy học dựa trên công nghệ số (AI). Triển khai đồng bộ hệ thống quản trị nhà trường thông minh tại tất cả các cơ sở giáo dục; kết nối dữ liệu thời gian thực về trung tâm điều hành giáo dục thông minh (IOC) của ngành và hệ thống sử dụng công nghệ phân tích dữ liệu lớn (Big Data) để hỗ trợ chính quyền địa phương hai cấp trong việc giám sát chất lượng giáo dục; dự báo quy mô học sinh; quy hoạch mạng lưới trường lớp và điều tiết chỉ tiêu biên chế giáo viên chính xác, khoa học. Xây dựng chính sách và lộ trình cung cấp “tài khoản giáo viên số” cho đội ngũ nhà giáo toàn tỉnh để từng bước trang bị bản quyền các phần mềm, công cụ ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc quản lý và dạy học. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính toàn tỉnh trên môi trường điện tử; giảm tối đa hồ sơ, sổ sách giấy cho giáo viên và nhà trường thông qua việc số hóa và quản lý thống nhất trên hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh.

- Xây dựng, triển khai các ứng dụng và công cụ giáo dục số thông minh như: Sách giáo khoa thông minh, giáo trình thông minh, kho học liệu dùng chung, nền tảng học tập trực tuyến mở đại trà, phòng thí nghiệm và thực hành ảo, hệ thống kiểm tra, đánh giá trực tuyến hiện đại hướng tới lớp học thông minh, trường học thông minh.

4.2. Xây dựng lộ trình thực hiện và triển khai chuẩn năng lực số và trí tuệ nhân tạo cho người học, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục ở tất cả các cấp học. Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách để khuyến khích, huy động các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tham gia bồi dưỡng, đào tạo người học, giáo viên và cán bộ quản lý về năng lực số, trí tuệ nhân tạo.

5. Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý bảo đảm nâng cao chất lượng giáo dục

5.1. Đổi mới, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản trị nhà trường, tăng quyền tự chủ, gắn với trách nhiệm giải trình của người đứng đầu các cơ sở giáo dục. Hoàn thiện quy định phân công, phân cấp quản lý đội ngũ viên chức ngành giáo dục theo quy định.

5.2. Đổi mới phương pháp đánh giá viên chức ngành giáo dục, nội dung đánh giá trên cơ sở các tiêu chí gắn với kết quả, sản phẩm của từng vị trí việc làm; khả năng đổi mới, thích ứng với yêu cầu thực tiễn; đóng góp vào mục tiêu chung của đơn vị; thực hiện đồng bộ các giải pháp để khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan; có giải pháp nghiêm minh xử lý các hành vi vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo, hướng đến môi trường giáo dục lành mạnh.

5.3. Tham mưu bố trí đủ biên chế giáo viên, nhân viên trường học theo định mức quy định dạy học chương trình chính khóa, rà soát điều chuyển tránh thừa thiếu cục bộ, tiến tới có đủ giáo viên để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với cấp học mầm non và phổ thông; nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; mở rộng các chương trình, đề án đào tạo, phát triển đội ngũ giáo viên, tăng chế độ hỗ trợ cho giáo viên đi học nâng cao trình độ trong và ngoài nước. Chuẩn bị đội ngũ giáo viên đạt chuẩn quốc gia, quốc tế, thực hiện mô hình trường, lớp học song ngữ; nâng cao năng lực ngoại ngữ.

6. Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phát triển mạng lưới trường học

6.1. Đầu tư hiện đại hóa trường, lớp học, đặc biệt ở miền núi, biên giới, vùng dân tộc thiểu số.

- Chuẩn hóa cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng xanh - thân thiện - hiện đại. Bố trí kinh phí để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học; các chính sách ưu đãi đối với nhà giáo, người học và thực hiện cung cấp miễn phí sách giáo khoa cho tất cả học sinh theo lộ trình.

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hiện đại hóa trường, lớp học; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM, không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất; ưu tiên bố trí phù hợp trụ sở cơ quan dôi dư sau sắp xếp cho các cơ sở giáo dục và đào tạo. Xây dựng quy hoạch bảo đảm quỹ đất để xây dựng trường, lớp, nhà công vụ cho giáo viên; trường phổ thông liên cấp ở các xã biên giới, miền núi; trường, điểm trường mầm non phù hợp với điều kiện từng địa phương.

- Bảo đảm đầy đủ nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo tại địa phương. Chăm lo giáo dục trẻ em ngay từ giai đoạn đầu đời, chuẩn bị đủ điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, chương trình giáo dục mầm non mới. Bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục tại vùng đô thị, khu công nghiệp và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới và hải đảo.

6.2. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục theo hướng đồng bộ, liên thông, tinh gọn, phù hợp với thực tiễn, tiết kiệm nguồn lực đầu tư, gắn với sáp nhập địa bàn hành chính cấp cơ sở và xây dựng tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. Chú trọng dồn dịch điểm trường, giảm điểm trường lẻ để nâng cao chất lượng giáo dục.

Thực hiện quy hoạch, phát triển mạng lưới trường nội trú, bán trú, trường chuyên biệt và cơ sở giáo dục cho học sinh khuyết tật, đáp ứng nhu cầu học tập và công bằng giáo dục cho học sinh; trọng tâm triển khai Đề án xây dựng và tổ chức hoạt động hiệu quả trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở các xã biên giới, miền núi. Ưu tiên phát triển hệ thống các trường ngoài công lập và mô hình trường mầm non, phổ thông hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế ở các cấp học, trình độ đào tạo.

7. Hiện đại hoá giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học

7.1. Sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, gắn với nhu cầu nhân lực tỉnh, thực hiện hướng dẫn và chỉ đạo của Trung ương và các quy định của pháp luật có liên quan. Chỉ đạo tổ chức mô hình giáo dục thực nghiệp, đảm bảo phẩm chất, năng lực, kỹ năng nghề, kỹ năng mềm, tác phong công nghiệp cho người học, thực sự phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp trong nước và trên thế giới. Xây dựng cơ chế thúc đẩy các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hợp tác, kết nối với các khu công nghiệp, đơn vị, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, trong nước và khu vực, quốc tế; xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo tại nơi làm việc. Đẩy mạnh chương trình thực hành, thực tập theo định hướng phát triển năng lực cho học viên, sinh viên. Tích cực chủ động trong hợp tác quốc tế, liên kết đào tạo với các trường đại học, cao đẳng, với các doanh nghiệp có uy tín, có năng lực trong và ngoài nước. Ưu tiên đào tạo các ngành nghề kỹ thuật, công nghệ và phục vụ chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia; các ngành nghề phù hợp cho đồng bào dân tộc thiểu số.

7.2. Lãnh đạo, chỉ đạo hiện đại hoá, nâng tầm giáo dục đại học, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài; dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học xây dựng mô hình phát triển phù hợp; cơ chế đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số và trí tuệ nhân tạo; phát huy vai trò đầu tàu của hệ thống giáo dục đại học khu vực Bắc Trung Bộ, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao và hội nhập quốc tế. Tổ chức phong trào nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, rèn luyện tinh thần khởi nghiệp, ý thức công hiến vì cuộc sống cộng đồng, thực sự thiết thực, hiệu quả trong đội ngũ giảng viên và sinh viên khối các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh. Tiên phong hợp tác, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng, môi trường khởi nghiệp trực tuyến; đồng thời liên kết xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo đạt chất lượng khu vực, quốc tế đối với những ngành, nghề mới, có nhu cầu lớn trong tương lai.

- Chỉ đạo mở các ngành nghề đào tạo mới về AI, tự động hóa, bán dẫn, năng lượng sạch, logistics, du lịch thông minh, các ngành công nghệ mới nổi. Liên kết đào tạo giữa các cơ sở giáo dục đại học - doanh nghiệp - khu công nghiệp, nhằm đào tạo nhân lực chất lượng cao. Phân đầu 1 - 2 cơ sở giáo dục đạt kiểm định khu vực hoặc quốc tế; xây dựng Trường Đại học Vinh thành đại học vùng đổi mới sáng tạo, hoàn thành mục tiêu kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh đầu tàu dẫn dắt, xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ; Trường Đại học Nghệ An định hướng phát triển bền vững, tiên phong xây dựng trung tâm khởi nghiệp kinh tế xanh, tuần hoàn; Trường Đại học Y khoa Vinh trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, là trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực y - dược học.

8. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế trong giáo dục

8.1. Quan tâm xây dựng chính sách thu hút người nước ngoài, các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín trong và ngoài nước đến làm việc, học tập, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh. Hợp tác, kết nối, chia sẻ, cùng với đổi mới sáng tạo, công nghệ số, chuyên đổi số và trí tuệ nhân tạo, thực sự vừa là động lực, vừa là phương thức hiện đại, thực hiện mục tiêu của đột phá phát triển bền vững giáo dục và đào tạo; trước hết sớm chuyển thành nguồn lực, tiên phong thực hiện mô hình trường học kết nối, trường lớp song ngữ, đô thị giáo dục thông minh “Kết nối - Khám phá - Khai phóng”, từ giáo dục đại học xuống giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.

8.2. Tăng cường hợp tác với các tổ chức, đại học quốc tế, phát triển các chương trình đào tạo liên kết, trao đổi sinh viên, giảng viên. Thực hiện các mô hình nâng cao năng lực ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, dạy học tiếng Lào cho học sinh vùng biên giới; tổ chức giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài và phát triển các

chương trình giáo dục xuyên biên giới; đào tạo cho lưu học sinh, sinh viên Lào tại Nghệ An.

8.3. Phấn đấu thành lập phân hiệu, cơ sở đào tạo tại các tỉnh của nước CHDCND Lào.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, tuyên truyền; căn cứ chức năng, nhiệm vụ để xây dựng chương trình, kế hoạch; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện, định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW và Chương trình hành động này theo quy định.

2. Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh lãnh đạo Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, cụ thể hóa các quy định liên quan đến phát triển giáo dục và đào tạo; tăng cường vai trò giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật và các nguồn lực cho việc thực hiện đột phá phát triển, đổi mới căn bản, toàn diện và hiện đại hoá giáo dục và đào tạo.

3. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các nội dung Chương trình hành động này; xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án triển khai; thường xuyên chỉ đạo theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện; kịp thời đôn đốc, chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, đảm sự đồng bộ, liên thông từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp đến giáo dục đại học; cân đối, bố trí ngân sách hợp lý cho giáo dục và đào tạo. Chủ trì tham mưu sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 71-NQ/TW và Chương trình hành động này; kịp thời đề xuất biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng kế hoạch hướng dẫn, tuyên truyền việc thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW và Chương trình hành động này; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tham gia góp ý xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn quán triệt, tuyên truyền sâu rộng, thường xuyên về nội dung, kết quả thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW và Chương trình hành động này; chú trọng phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, điển hình tiêu biểu trong triển khai thực hiện, tạo sự lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội và Nhân dân.

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW và Chương trình hành động này đối với các cấp ủy, tổ chức đảng.

7. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Đảng ủy UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW và Chương trình hành động này.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương,
- Các ban Đảng, UBKT Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các CQ chuyên trách tham mưu, giúp việc TU,
- MTTQ và các tổ chức CT - XH cấp tỉnh,
- Sở Giáo dục và Đào tạo,
- Đảng ủy các xã, phường, đảng ủy trực thuộc,
- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy,
- Chuyên viên phòng Tổng hợp VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

} (b/c)

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Nguyễn Khắc Thận

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Chương trình hành động số -CTr/TU ngày /02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

Phụ lục 01: Các chỉ tiêu cụ thể

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035
1	Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia	%	80.5	85	88
2	Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	%	15	30	50
3	Số trường mầm non tư thục	Trường	62	65	70
4	Số trường phổ thông tư thục	Trường	21	25	30
5	Tỷ lệ phòng học kiên cố các cấp học	%	85	95	100
6	Số trường phổ thông có lớp học song ngữ	%	1	5	15
7	Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông được đầu tư đầy đủ phòng tin học, ngoại ngữ, thư viện số	%	50	70	100
8	Số trường mầm non, phổ thông được đầu tư thiết bị phòng học STEM	%	4	50	100
9	Tỷ lệ trường phổ thông vùng đặc biệt khó khăn được đầu tư phòng học trực tuyến	%	5	50	100
10	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên đạt mức 2 về chuyên đổi số	%	70%	95%	100%
11	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên đạt mức 3 về chuyên đổi số	%	1%	20%	100%
12	Tỷ lệ trường phổ thông dân tộc bán trú, trường có học sinh dân tộc bán trú được đầu tư đầy đủ, đồng bộ cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu học tập, ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh	%	60	90	100
13	Tỷ lệ xã, phường hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi	%	Đạt 5 tuổi	90	100

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035
14	Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3	%	Xã mới	80	95
15	Tỷ lệ xã, phường hoàn thành giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở	%	Xã mới	100	100
16	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường học được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100	100	100
17	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường học làm chủ kỹ năng số; ứng dụng công nghệ trong quản lý, giảng dạy	%	100	100	100
18	Tỷ lệ sáng kiến về ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo vào quản lý, giảng dạy được công nhận mỗi năm/tổng số được công nhận	%	15	20	25
19	Tỷ lệ học sinh phổ thông được học 2 buổi/ngày	%	45	100	100
20	Tỉ lệ người trong độ tuổi hoàn thành chương trình cấp trung học phổ thông và tương đương toàn tỉnh	%	80	85	90
21	Chỉ số giáo dục đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI)	Chỉ số	Chỉ tiêu mới	$\geq 0,8$	$\geq 0,85$
22	Chỉ số bất bình đẳng giáo dục	%	Chỉ tiêu mới	< 10	
23	Phân đầu cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn quốc gia	%	Chỉ tiêu mới	50	100
24	Phân đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia	%	Chỉ tiêu mới	30	80
25	Cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp được đầu tư hiện đại tương đương các nước phát triển ở châu Á	%	Chỉ tiêu mới	15	20
26	Tỷ lệ cơ sở giáo dục nghề nghiệp có tham gia hợp tác quốc tế	%	Chỉ tiêu mới	50	75
27	Cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 1000 đại học hàng đầu thế giới trong một số lĩnh vực theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín	Cơ sở	Chỉ tiêu mới	01	≥ 01
28	Tỉ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	%	Chỉ tiêu mới	50	60

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035
29	Tỉ lệ người lao động có trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên	%	Chỉ tiêu mới	24	30
30	Đào tạo lao động có kỹ năng nghề chất lượng cao theo hình thức đặt hàng/giao nhiệm vụ, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (trong 5 năm)	Người	≥ 10.000	≥ 60.000	≥ 130.000
31	Thành lập phân hiệu đào tạo trình độ sau đại học tại CHDCND Lào	Cơ sở	Chỉ tiêu mới	01	01
32	Tỉ lệ người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ trong quy mô giáo dục đại học, trong đó:	%	Chỉ tiêu mới	≥ 35	≥ 38
-	Nghiên cứu sinh các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ (trong 5 năm)	Người	Chỉ tiêu mới	≥ 30	≥ 80
-	Người học các chương trình tài năng (trong 5 năm)	Người	Chỉ tiêu mới	≥ 400	≥ 1.500

Phụ lục 02: Danh mục các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan thực hiện	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I	Tỉnh ủy				
1	Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo từng năm học	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ngành, địa phương liên quan	Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Tháng 9 hằng năm
II	Hội đồng nhân dân tỉnh				
1	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND, ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ngành, địa phương liên quan	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý II năm 2026
2	Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND, ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ngành, địa phương liên quan	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý III năm 2026
3	Nghị quyết quy định về cơ chế, chính sách để nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ; đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ngành, địa phương liên quan	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý IV năm 2026
4	Nghị quyết đặc thù quy định chính sách về tuyển dụng, sử	Đảng ủy UBND	Sở Giáo dục và	Nghị quyết	Quý III

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan thực hiện	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	dụng, đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; thu hút chuyên gia, nhà khoa học có uy tín, nhà giáo trong nước và quốc tế đến làm việc và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh	tỉnh	Đào tạo; các sở, ngành, địa phương liên quan	của HĐND tỉnh	năm 2027
5	Chính sách phát triển hệ thống các trường phổ thông nội trú, bán trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở các xã, phường miền núi của tỉnh	Đảng uỷ UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ngành, địa phương liên quan	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý IV năm 2027
III	Ủy ban nhân dân tỉnh				
1	Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 281/NQ-CP, ngày 15/09/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương liên quan	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý I năm 2026
2	Kế hoạch thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương liên quan	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý I năm 2026
3	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục mầm non ở địa bàn khu đô thị, khu công nghiệp giai đoạn 2025 - 2035, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương liên quan	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý I năm 2026
4	Đề án phát triển giáo dục STEM trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2035	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương liên quan	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý II năm 2026
5	Đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2035, định hướng đến năm 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	Quý II Năm 2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan thực hiện	Kết quả	Thời gian hoàn thành
6	Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2035, định hướng đến năm 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	Quý II, năm 2026
7	Kế hoạch tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung và đa dạng hóa các hình thức về Nghị quyết số 71-NQ/TW và các chương trình hành động trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương liên quan	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý II năm 2026
8	Đề án đổi mới công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2026 - 2035 và tầm nhìn đến năm 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	Quý IV năm 2026
9	Đề án khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo khu vực ngoài nhà nước	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, địa phương liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	Quý IV năm 2027